

QUYẾT ĐỊNH
Công bố tải trọng cầu trên hệ thống tỉnh lộ

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố tải trọng khai thác các cầu nằm trên hệ thống tỉnh lộ theo Phụ lục kèm theo Quyết định này. Các cầu đang khai thác không có trong phụ lục nêu trên là các cầu đáp ứng tải trọng khai thác (trừ xe quá tải) theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Tải trọng công bố trong Quyết định này không thay thế biển báo hiệu tải trọng cầu và các biển báo hiệu đường bộ trên hệ thống tỉnh lộ.

Người tham gia giao thông có trách nhiệm tuân thủ: Quy tắc giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; các quy định của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ và các quy định có liên quan.

Điều 2. Ban Quản lý dự án bảo trì đường bộ Sở GTVT Đắk Nông, các đơn vị quản lý đường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát và báo cáo kịp thời để Sở Giao thông vận tải Đắk Nông công bố bổ sung trong các trường hợp sau:

1. Tình trạng kỹ thuật của cầu và các công trình đường bộ có thay đổi khả năng chịu tải khai thác (khi có hư hỏng xuống cấp, xảy ra sự cố, kiểm định thử tải xác định lại tải trọng khai thác, hoặc các nguyên nhân khác) so với tải trọng đã công bố tại Quyết định này;

2. Khi đưa cầu mới hoàn thành vào khai thác;

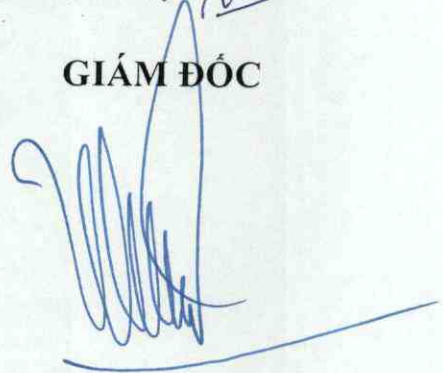
3. Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả rà soát tải trọng, khổ giới hạn và tình trạng kỹ thuật của các tuyến đường tỉnh lộ gửi về Sở Giao thông vận tải để cập nhật và công bố bổ sung.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ Sở; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TCĐBVN (thay b/c);
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KCHT.

GIÁM ĐỐC



Võ Văn Hùm

Phụ lục: Các cầu hạn chế tải trọng trên tỉnh lộ thuộc phạm vi quản lý của Sở GTVT Đắk Nông
 (Kèm theo Quyết định số 407/QĐ-SGTVT, ngày 29 tháng 5 năm 2018)

TT	Tỉnh lộ	Tên cầu	Lý trình (tìm cầu)	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
									(10A)	(10B)	(10C)	(10D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10A)	(10B)	(10C)	(10D)	(11)
I	Tỉnh lộ 2												
1		Km14+950	Km14+950	12	1	9	7	H10-X60	(*)			H10-X60	
2		Km20+357	Km20+357	12	1	9	7	H10-X60	(*)			H10-X60	
II	Tỉnh lộ 3												
1		Km30+150	Km30+150	27	1	7,5	7	H18-XB80	(*)			H18-XB80	
2		Km32+850	Km32+850	24	1	11	10	H18-XB80	(*)			H18-XB80	
III	Tỉnh lộ 5												
1		Km20+700	Km20+700	6	1	6,5	6	H13-X60	(*)			H13-X60	
2		Km21+400	Km21+400	6	1	5	3,6	H13-X60	(*)			H13-X60	
3		Km34+650	Km33+847	24	1	4,7	4	H18-XB80	(*)			H18-XB80	
4		Km38+750	Km38+750	6,3	1	5,5	4	H13-X60	(*)			H13-X60	
IV	Tỉnh lộ 6												

Handwritten signature

TT	Tỉnh lộ	Tên cầu	Lý trình (tìm cầu)	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
									(10A)	(10B)	(10C)	(10D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10A)	(10B)	(10C)	(10D)	(11)
1		Km6+770	Km6+770	7,2	2	6	5,5	H13-X60	(*)			H13-X60	
2		Km10+850	Km10+850	4	1	6	5,5	H13-X60	(*)			H13-X60	
3		Km12+100	Km12+100	4	1	6	5,5	H13-X60	(*)			H13-X60	
4		Km35+100	Km35+100	8	1	10	9	H13-X60	(*)			H13-X60	
5		Km35+518	Km35+518	5,3	1	10	9	H13-X60	(*)			H13-X60	
6		Km43+100	Km43+100	6,8	1	7,5	7	H13-X60	(*)			H13-X60	
7		Km48+300	Km48+300	8,5	1	10	9	H13-X60	(*)			H13-X60	V-S

Ghi chú:

1. Các cầu trên Tỉnh lộ do sở Giao thông vận tải Đắk Nông quản lý không ghi trong Bảng trên là các cầu không cảm biến tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.
2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.
3. Cầu nào mà cột 10A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 10D.